

VẤN ĐỀ CON NGƯỜI TRONG CÁC CÔNG TRÌNH CỦA GIÁO SƯ TRẦN ĐỨC THẢO

NGUYỄN TRỌNG CHUẨN*

Từ khóa: *Trần Đức Thảo, con người, ngôn ngữ, ý thức.*

Ngày nhận bài: 09/12/2019; ngày gửi phản biện: 10/12/2019; ngày duyệt đăng bài: 10/02/2020.

1. Giáo sư Trần Đức Thảo sinh ngày 26/09/1917, mất ngày 19/04/1993, là nhà triết học rất uyên bác. Ông là người đã nổi tiếng ở châu Âu từ khi còn rất trẻ, và sau này là thế giới, với tác phẩm Hiện tượng học và chủ nghĩa duy vật biện chứng được xuất bản ở Pháp năm 1951. Đọc các công trình của ông mà chúng ta đã sưu tầm được cho đến nay, người đọc không khỏi ngạc nhiên về sự thông hiểu sâu sắc nhiều lĩnh vực khoa học đến như thế vào thời đó. Ông không chỉ am hiểu thấu đáo triết học phương Tây; ông còn rất thông thạo lịch sử dân tộc và các sự kiện trong quá khứ của dân tộc ta, ông là người khai sinh ra bộ môn Lịch sử triết học tại trường đại học đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Giáo sư, Nhà giáo nhân dân, Anh hùng lao động Trần Văn Giàu khi đánh giá về Giáo sư Trần Đức Thảo đã viết như sau: “Nói về phương diện tư tưởng triết học thì anh Thảo là người suy nghĩ sâu sắc, có những vấn đề anh đóng góp cho châu Âu chứ không phải chỉ đóng góp cho xứ mình mà thôi”; và “mặc dù Việt Nam “mình không có truyền thống triết học, [nhưng] nếu có thể nói có một nhà triết học thì... người đó chính là Trần Đức Thảo” (Trần Văn Giàu, 2016, tr. 1217).

Nét nổi bật nhất ở nhà triết học Trần Đức Thảo là ông *không mô tả các sự kiện được ông bàn đến một cách giản đơn mà luôn đặt các sự kiện đó trong mối tương quan với triết học và từ cách nhìn triết học, đặc biệt là gắn chúng với con người và số phận của con người, của các nhân vật trong lịch sử dân tộc hay trong văn học*. Dưới ngòi bút của ông, triết học luôn gắn chặt với hiện thực sống động, nhiều mặt của cuộc sống xã hội và của con người. Dù là bàn về những học thuyết triết học thuần túy trừu tượng như hiện tượng học, chủ nghĩa hiện sinh, triết học Mác hay về văn chương và lịch sử dân tộc, thì cái đích quan trọng nhất

* GS. TS.; Nguyên Viện trưởng Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

mà Trần Đức Thảo nhắm đến vẫn là *con người*. Rất nhiều công trình nghiên cứu của ông bàn trực tiếp đến vấn đề con người từ các góc độ khác nhau. Sau đây là một số công trình tiêu biểu:

Những bước tiến hóa của hệ thần kinh (1955); Biện chứng pháp của hệ thần kinh (1955); Hành động của sự chỉ dẫn với tư cách là hình thức có nguồn gốc từ ý thức (1966, tiếng Pháp); Từ cử chỉ của ngón tay trở đến hình ảnh I, II và III (tiếng Pháp, 1969); Tìm cội nguồn của ngôn ngữ và ý thức (1973); Con người và xã hội (khoảng 1975); Từ hiện tượng luận đến biện chứng duy vật của ý thức (1975); Động tác chỉ dẫn như là hình thức gốc của ý thức (1973); Vấn đề con người trong chủ nghĩa Mác - Lênin (1973); Về khái niệm con người (1976); Về nguồn gốc của các con tinh tinh (tiếng Pháp, 1983); Nguồn gốc những loài người vượn (1983); Giới thiệu về sự phát sinh loài người (1985); Vấn đề con người và chủ nghĩa “lí luận không có con người” (1988); Sự phát sinh của hệ thống lịch sử giống người (1989); Sự hình thành con người (2004);...

Ngoài ra, còn rất nhiều bản thảo lớn nhỏ khác chưa được xuất bản hoặc chưa được dịch ra tiếng Việt liên quan đến vấn đề con người, mà theo thống kê chưa đầy đủ có thể lên đến gần 40 tác phẩm.

Trong hai công trình Những bước tiến hóa của hệ thần kinh và Biện chứng pháp của hệ thần kinh (Trần Đức Thảo, 2017, tr. 705 - 750). Trần Đức Thảo trình bày khá cặn kẽ, theo sự hiểu biết khoa học của thời đó, về các bước tiến hóa của hệ thần kinh, bắt đầu từ sinh vật đơn bào, rồi sang đa bào (như bọt biển, xoang tràng), đến loài Giun thì bắt đầu hình thành tổ chức thần kinh trung ương với dây thần kinh và hạch thần kinh; qua lớp cá thì hình thành tủy sống và bộ óc. “Đến lớp bò sát thì bộ óc đã tiến bộ nhiều” (Trần Đức Thảo, 2017, tr. 717), nhưng phải đến động vật có vú thì mới hình thành phản xạ có điều kiện. Vỏ não phát triển và hoàn thiện hơn ở khỉ bậc thấp và khỉ hình người. Tuy nhiên, phải đến loài người thì hai bán cầu đại não mới thật sự phát triển và hoàn thiện. Sự phát triển và hoàn thiện của bộ não từng bước dẫn đến khả năng phản ánh thực tại khách quan thuộc các trình độ khác nhau ở động vật, nhưng khả năng phản ánh cao nhất và chân thực nhất là ở sự nhận thức của con người để hình thành ý thức.

Hướng nghiên cứu của Trần Đức Thảo về con người là hướng nghiên cứu hết sức đúng đắn, đầy triển vọng vì đây là vấn đề còn rất nhiều điểm mờ. Có lẽ ông đã quá quen thuộc với những luận điểm nổi tiếng của Socrates (470 - 399 TCN) rằng, con người hãy tự nhận thức chính bản thân mình; của I.Kant (1724 - 1804) với khẳng định, mọi vấn đề đều có sự liên quan mật thiết đến con người, cho nên mục đích tối hậu của triết học “không gì khác hơn là toàn bộ vận mệnh của con người”

(I.Cantor, 2004, tr. 1176); Mác coi con người là một thực thể sinh học - xã hội và chính Mác đã coi con người là kết quả của sự tiến hóa tự nhiên, là “một cơ thể phức tạp nhất mà giới tự nhiên sản sinh ra được” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 1994), coi “con người là một sinh vật có tính loài” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 2000), “là loài động vật có tính hợp quần hơn hết” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 1994) và “bản thân con người đều biến đổi không ngừng” (C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, 1994). Cho nên, dù là Trần Đức Thảo nghiên cứu *những bước tiến hóa của hệ thần kinh ở động vật hay biện chứng pháp của hệ thần kinh* cũng đều là để phục vụ cho việc nghiên cứu cội nguồn của tiếng nói, của ngôn ngữ, của tư duy con người, của sự hình thành, sự tiến hóa của con người và của toàn thể nhân loại nói chung. Một số trong những công trình nghiên cứu đó là cơ sở để ông cho ra đời cuốn sách vào loại quan trọng nhất về sau đã được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh là *Tìm cội nguồn ngôn ngữ và ý thức* (Recherches sur l'origine du langage et de la Conscience, Editions Sociales, 1973).

Cùng với công trình *Những bước tiến hóa của hệ thần kinh và Biện chứng pháp của hệ thần kinh*, các công trình khác như *Sự hình thành con người*; *Sự phát sinh của hệ thống lịch sử giống người*; *Động tác chỉ dẫn như là hình thức gốc của ý thức*; *Những nghiên cứu về nguồn gốc tiếng nói và ý thức* (hay là *Tìm cội nguồn ngôn ngữ và ý thức*); *Vấn đề con người và chủ nghĩa “lí luận không có con người”*; *Sự hình thành con người*;... Ông đã ghi dấu ấn rõ nét của một chuyên gia thực thụ về vấn đề con người.

Trong tất cả các công trình nêu trên, Trần Đức Thảo đã đứng vững trên lập trường duy vật biện chứng để luận giải theo cách hiểu của ông về nhiều vấn đề khá hóc búa mà từ trước đến nay khoa học vẫn còn chưa có câu trả lời dứt khoát và chưa đủ độ tin cậy. Đó là những vấn đề về bản chất con người là gì; cái gì quyết định bản chất ấy; vai trò của mặt cấu tạo sinh học và mặt xã hội đến đâu trong bản chất ấy; mặt sinh học và mặt xã hội trong con người có quan hệ với nhau ra sao; yếu tố xã hội tác động theo cách nào đến yếu tố sinh học trong các giai đoạn phát triển cá thể của con người và sự hình thành bản chất con người,...

Trần Đức Thảo đã đứng khi đứng trên quan điểm coi “lao động đã tạo nên bản thân con người và (Loài người)” (Trần Đức Thảo, 2004). Cách nhìn từ góc độ xã hội này khắc phục được thiếu sót căn bản của các quan điểm chỉ nhìn nhận con người như một động vật thuần túy. Tuy nhiên, cả hai cách xem xét trên vẫn chưa cho thấy sự khác biệt quan trọng nhất giữa con người và con vật, cụ thể là với con vượn. Đúng là khoa học “vẫn còn thiếu một số dữ liệu cơ bản về nhân loại học cổ” (Trần Đức Thảo, 2004) như ông nhận định, nhưng thật ra cái thiếu lớn nhất chính là những tài liệu của các ngành di truyền học, lí - sinh và hóa - sinh hiện đại.

Do thiếu những tài liệu như vậy cho nên ông dựa vào “cái hiện tại sống của hệ thống con người trong sự hình thành phổ biến của nó xác định bản chất xã hội - lịch sử của mỗi cá tính con người, giống như là khi nó được tạo lập từ tuổi ấu thơ đầu tiên bởi sự lặp lại sáng tạo của số phận nhân loại” (Trần Đức Thảo, 2004) là điều dễ hiểu.

Vấn đề đặt ra là nếu loài vượn người chỉ nhờ có lao động mà trở thành con người thì, từ góc độ di truyền học hiện đại, vì sao giữa vượn người và người lại có bộ nhiễm sắc thể với số lượng khác nhau, cụ thể là 48 ở vượn người và 46 ở người? Nói cách khác, từ góc độ di truyền học hiện đại thì cách giải thích chỉ dựa vào lao động, nhờ lao động mà biến con vượn thành con người hoàn toàn chưa đủ sức thuyết phục. Đây chính là điều hạn chế mà Trần Đức Thảo chưa vượt qua được.

Sinh học hiện đại, nhất là di truyền học, trong đó có di truyền học người; sinh học phân tử nói chung, đã cho chúng ta cơ sở khoa học chắc chắn để biết rằng, mỗi loài sinh vật đều có một bộ nhiễm sắc thể đặc trưng với số lượng không đổi, với một loại ADN đặc trưng của riêng nó chừng nào nó còn tồn tại với *tính cách loài*, nghĩa là khi nó chưa có những đột biến có thể dẫn đến sự hình thành một loài mới. Điều đó cũng có nghĩa là để loài người trở thành loài người như ngày nay thì nó đã phải được chuẩn bị bằng một sự đột biến nào đó từ một loài gần với nó, phải có sự cải biến nào đó về thông tin di truyền.

Nói cách khác, về mặt sinh học, đã phải có một loài gần với loài vượn do các tác nhân gây đột biến nào đó trong thiên nhiên đã làm tăng lên hoặc làm giảm đi một số lượng nhất định nhiễm sắc thể vốn có. Một số cá thể trong quần thể có đột biến như vậy sống sót được qua con đường chọn lọc tự nhiên nhờ có được những tính trạng mới, cách cấu tạo cơ thể mới, nhất là tứ chi, bộ óc và cuống họng, thích nghi với điều kiện sống mới, như S.Đácquyn nói, sẽ hợp thành một quần thể sinh vật mới. Các quần thể mới này, theo lý thuyết di truyền học quần thể hiện đại là cơ sở để hình thành nên loài mới.

Như vậy, rất có thể đã có một lúc nào đó những *con vượn - người* bậc cao với 48 nhiễm sắc thể dưới tác động của các tác nhân gây đột biến, nhất là các nguồn phóng xạ trong tự nhiên¹ sinh ra từ các quá trình kiến tạo địa chất phức tạp, đã bị mất đi hai nhiễm sắc thể trong tế bào sinh sản và qua sinh sản đã để lại hậu thế có số lượng

¹ Nét độc đáo của điều kiện tự nhiên nơi hiện nay được coi là quê hương đầu tiên của con người, vào thời xuất hiện con người từ những đứt gãy (rift) vĩ đại của vỏ Trái đất ở Đông Phi đã phát ra lượng *magma phóng xạ* cực lớn, còn tại Nam Phi thì cực giàu về via dày quặng *uran* và *thời phóng xạ*.

niêm sắc thể giống như chúng ta ngày nay là 46. Đây chính là bước ngoặt quan trọng nhất dẫn đến sự hình thành loài mới và chính loài mới này có dáng đi thẳng, đi bằng hai chân, có ít lông trên cơ thể, có cấu tạo cuống họng đặc biệt khác với cuống họng của tổ tiên nên đã có thể phát ra những âm thanh đặc biệt, có hoạt động sinh sản đặc biệt và nhất là có một bộ óc lớn tiềm ẩn khả năng tư duy,... hơn hẳn tổ tiên của mình. Loài mới này có bản tính sinh học khác hơn hẳn các loài đã có để trở thành loài thông minh, loài người biết suy nghĩ, loài người hiện đại (*Homo sapiens*) của *họ người*, trong bộ linh trưởng, thuộc lớp có vú.

Trên trái đất ngày nay hiện có ba loài trong *chi Homo* là *tinh tinh thường* (*Homo troglodytes*), *tinh tinh lùn* (*Homo paniscus*) và *con người* (*Homo sapien*), mà theo sự phân tích di truyền học thì ADN của chúng rất giống nhau, chúng chỉ khác nhau có 1,6% trong bộ mã di truyền; khác nhau rất ít về các chỉ số khác, chẳng hạn, chỉ khác một hoặc hai vị trí các axit amin trong hêmôglôbin (Jared Diamond, 2007). Tuy nhiên, chính những sự khác biệt không nhiều lắm ấy lại dẫn đến những sự khác biệt rất quan trọng giữa con người và con tinh tinh (được gọi là *vượn người hiện đại*).

Chắc chắn là nếu Trần Đức Thảo có điều kiện cập nhật các tài liệu từ khoa thần kinh học, khảo cổ học, ngôn ngữ học, nhân học, tâm lí học trẻ em, nhất là sinh học phân tử, di truyền học, lí - sinh và hóa - sinh hiện đại nói chung thì ông đã có những cách lí giải mới hơn về nhiều vấn đề liên quan đến con người trong các công trình của ông. Chúng tôi dùng chữ *nếu* ở đây để muốn nhấn mạnh rằng, nhà khoa học cần phải được xã hội tạo điều kiện tốt nhất có thể trong việc tiếp cận với những gì mới nhất trong khoa học thế giới chứ không nên gây khó dễ cho họ, không nên tách họ khỏi cuộc sống vô cùng sôi động và nhiều thành tựu “vạch thời đại” của khoa học thế giới.

2. Giáo sư Trần Đức Thảo có một đóng góp rất quan trọng trong việc bảo vệ quan điểm đúng đắn của C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n về con người trong thời buổi mà nhiều người đề cao quá mức, thậm chí đã tuyệt đối hóa tính giai cấp để phủ nhận tính nhân loại trong con người. Những người đó “đã tuyệt đối hóa quan điểm giai cấp, quan điểm dân tộc, xóa bỏ quan điểm con người với tư cách con người, *xóa bỏ và phủ nhận con người nói chung*. Họ cho rằng, giữa những giai cấp khác nhau và những con người thuộc dân tộc khác nhau, *không có gì chung*” (Trần Đức Thảo, 1989, tr. 154). Đối với họ, chỉ có con người giai cấp chứ không có con người nói chung, không có con người mang tính đồng loại và nhân loại. Đó chính là “lí luận không có con người nói chung” được Louis Althusser nêu trong cuốn sách *Réponse a John Lewis*. Editions, Maspéro, 1973.

Trong công trình Vấn đề con người và chủ nghĩa “lí luận không có con người”, ông đã nói rõ rằng, mục đích của ông là “chứng minh sự tồn tại của con người nói chung gắn liền với con người nói riêng” (Trần Đức Thảo, 1989, tr. 166).

Chúng ta đều biết cuốn sách Vấn đề con người và chủ nghĩa “lí luận không có con người” này xuất bản lần đầu tiên năm 1989, tức là thời điểm nước ta vừa bắt đầu quá trình đổi mới chưa lâu, khi mà quan điểm nhấn mạnh thái quá mặt giai cấp còn rất nặng nề, Trần Đức Thảo đã khẳng định mạnh mẽ quan điểm về sự thống nhất biện chứng giữa mặt sinh học và mặt xã hội trong con người. Chính sự thống nhất đó làm cho mọi người có những điểm chung, mang tính người hay tính nhân loại. Ông viết: “Trong con người, những quy luật sinh vật học biểu hiện thông qua sự biện chứng của những quan hệ xã hội mà trước hết là những quan hệ xã hội cộng đồng. Sự biện chứng này là *bản chất* của con người. Những quy luật sinh vật học là *nền tảng* của cái bản chất đó” (Trần Đức Thảo, 1989, tr. 45). Theo ông, “trong con người, những quy luật sinh vật học không mất đi, nhưng cái thành quả của sự vận động sinh vật được cải tạo theo quy luật của bản chất xã hội của con người và chuyển hóa thành yếu tố của cái hệ thống cơ cấu xã hội của con người” (Trần Đức Thảo, 1989, tr. 96).

Ở chỗ này, ông đã nêu lại một vấn đề rất quan trọng mà trong nhiều năm qua giới nghiên cứu thật sự vướng mắc, đó là *giữa yếu tố sinh học hay mặt sinh học và mặt xã hội trong con người có mối quan hệ với nhau ra sao?* Sự tác động nào và quy luật nào chi phối sự tương tác giữa hai mặt ấy và chi phối ra sao? Thật ra khoa học hiện nay vẫn chưa có được câu trả lời thỏa đáng; nghĩa là giá trị của việc nêu vấn đề như vậy có giá trị không kém gì câu trả lời.

Trần Đức Thảo nhất quán với quan điểm coi con người giai cấp không tách rời con người nhân loại, không tách khỏi con người nói chung. Đứng trên quan điểm của chủ nghĩa Mác, ông viết: “Con người là sản phẩm của lịch sử, đồng thời cũng là sản phẩm của bản thân nó, tức là chính nó là chủ thể làm ra lịch sử, và khi làm ra lịch sử thì nó cũng làm ra bản thân nó với tư cách con người giai cấp. Nhưng đồng thời, nó vẫn là “tiền đề thường trực của lịch sử loài người”, tức là con người theo nghĩa chung của lịch sử loài người. Tức là trong cùng thời gian, nó vừa là *bản thân nó* (con người giai cấp), vừa là *cái khác* (con người theo nghĩa loài người)” (Trần Đức Thảo, 1989, tr. 118).

Một điều đáng quý khác ở trong công trình Vấn đề con người và chủ nghĩa “lí luận không có con người”, ông thể hiện là một con người vừa ra sức bảo vệ chủ nghĩa Mác, đồng thời cũng là con người rất mạnh dạn trong chính trị thông qua việc bảo vệ chân lí mặc dù đã có lúc ông bị quy kết về quan điểm chính trị.

Ông viết: “Không phải dễ dàng mà cái danh nghĩa *con người* được công nhận. Theo lối suy nghĩ không phải ít gặp hiện nay, thì ai nói đến *con người* là tức khắc bị nghi ngờ và coi như mất quan điểm giai cấp. Dĩ nhiên là trong xã hội giai cấp, *con người* là *con người* giai cấp. Quan điểm giai cấp là hoàn toàn đúng và căn bản. Nhưng nếu tuyệt đối hóa quan điểm giai cấp, tựa hồ như ngoài giai cấp thì không còn gì nữa, tức là phủ định *con người* theo nghĩa chung của loài người, phủ định *con người* nói chung” (Trần Đức Thảo, 1989). Từ đó ông kiên trì khẳng định: “Không có vấn đề vì *con người* giai cấp mà phủ định *con người* nói chung” (Trần Đức Thảo, 1989, tr. 151), bởi vì, “ở thời đại giai cấp, *con người* giai cấp với *con người* nói chung là gắn liền với nhau trong mỗi *con người*” (Trần Đức Thảo, 1989, tr. 136).

Từ chỗ phủ nhận *con người* nhân loại, *con người* nói chung, chỉ còn lại *con người* giai cấp thì rất dễ xảy ra tình trạng có những người “không còn chỗ đứng trong xã hội, tức là mất quyền dân chủ”, mất quyền công dân, mất quyền *con người* với tư cách là *con người*. Vì vậy, Trần Đức Thảo không e ngại đề cập đến một vấn đề rất nhạy cảm, nếu không nói là cấm kỵ vào thời bấy giờ ở nước ta, đó chính là vấn đề quyền dân chủ, *dân chủ hóa* đời sống xã hội gắn liền với vấn đề *quyền con người*.

Ông viết: “Vấn đề dân chủ hóa gắn liền với vấn đề *con người* theo nghĩa chung của loài người, quyền *con người* nói chung” (Trần Đức Thảo, 1989, tr. 123 - 124). Một thời, ở nước ta, vì tình trạng thiếu dân chủ, mất dân chủ trong xã hội mà đã có những người bị quy oan (có lẽ ông cũng là một trong số đó). Theo ông, “chính tình trạng khiếp sợ bị quy oan làm cho tới đại đa số nhân dân không dám hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Chính phủ đấu tranh chống tiêu cực” (Trần Đức Thảo, 1989, tr. 124). Ở chỗ này, một lần nữa ông lại là người sớm chỉ ra rất trúng một trong những nguyên nhân quan trọng của tình trạng nhân dân ta e ngại trong việc chống tiêu cực. Bấy giờ thì chúng ta thấy rõ vì sao tình trạng tiêu cực, tham nhũng, nhận hối lộ,... đã diễn ra nặng nề, nghiêm trọng và kéo dài đến như vậy. Và vì sao trong một thời gian khá dài, việc hô hào chống tiêu cực lại không thu được kết quả như mong muốn. Cho nên, thời nào cũng vậy, lời cảnh báo từ một nhà triết học, vì thế, cần được trân trọng tiếp nhận và suy xét nghiêm túc.

Đánh giá về đóng góp của mình trong công trình *Vấn đề con người* và chủ nghĩa “lí luận không có *con người*”, Trần Đức Thảo viết: “Đóng góp mới của tôi là chứng minh rằng *con người* nói riêng không gạt bỏ, mà bao hàm *con người* nói chung. Cũng như ngược lại, *con người* nói chung không gạt bỏ, mà bao hàm *con người* nói riêng” (Trần Đức Thảo, 1989, tr. 168). Công trình này thực tế cũng bác bỏ

thành kiến phổ biến “cho rằng chủ nghĩa Mác không công nhận những giá trị chung của loài người, mà chỉ công nhận những giá trị giai cấp” (Trần Đức Thảo, 1989, tr. 168). Đó là những sự tự đánh giá trung thực và khách quan của Giáo sư Trần Đức Thảo về đóng góp của chính mình.

Cuộc đời của một con người trung thực, đầy tài năng nhưng hết sức gian nan, vất vả đi tìm chân lí đã để lại cho hậu thế một di sản khoa học đồ sộ. Tuy nhiên, tấm gương vì khoa học, vì chân lí mà rèn rũa bản lĩnh, tạo dựng nhân cách, dần thân cùng với dân tộc của Giáo sư sẽ không bao giờ bị lu mờ và chắc chắn sẽ được hậu thế tiếp nối. Ông không chỉ đóng góp vào việc phát triển triết học hiện tượng luận theo quan điểm duy vật biện chứng đã được nhiều người trên thế giới thừa nhận. Công lao của ông còn thể hiện trong nhiều công trình khác nhau nhất là trong nghiên cứu về nguồn gốc, sự hình thành ngôn ngữ và ý thức; về sự hình thành con người từ nguồn gốc cho đến đời sống nhiều mặt trong xã hội. Những công trình nghiên cứu của ông về con người nói chung, về sự hình thành con người, đặc biệt về cội nguồn ngôn ngữ và ý thức, dù có những hạn chế nhất định, nhưng chứa đựng không ít giá trị gợi mở cần được tiếp tục phát triển, nhất là ý nghĩa xã hội của những luận điểm chứa đựng trong đó.

Tài liệu tham khảo

1. C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n. 1994. *Toàn tập*, tập 20. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội.
2. C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n. 2000. *Toàn tập*, tập 42. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội.
3. Trần Văn Giàu. 2016. “Trần Đức Thảo - nhà triết học”. In trong *Triết gia Trần Đức Thảo: Di cảo, Khảo luận, Kỉ niệm*. Nguyễn Trung Kiên sưu tầm và biên soạn. Nxb. Đại học Huế.
4. I. Cantor. 2004. *Phê phán lí tính thuần túy*. Bùi Văn Nam Sơn dịch và chú giải. Nxb. Văn học. Hà Nội.
5. Jared Diamond. 2007. *Loài tinh tinh thứ ba. Sự tiến hóa và tương lai của loài người*. Nxb. Tri thức. Hà Nội. (bản tiếng Nga Г.Н.Матюшин. *У истоков человечества*. Москва, “Мысль”. 1982).
6. Trần Đức Thảo. 1989. *Vấn đề con người và chủ nghĩa “lí luận không có con người”*. Nxb. Tp. Hồ Chí Minh. Phần Phụ lục.
7. Trần Đức Thảo. 1989. *Vấn đề con người và chủ nghĩa “lí luận không có con người”*. Nxb. Tp. Hồ Chí Minh. Phần Phụ lục.
8. Trần Đức Thảo. 2004. *Sự hình thành con người*. Nxb. Đại học quốc gia. Hà Nội.
9. Trần Đức Thảo. 2017. *Tuyển tập*, tập 1. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội.